

BIỂU MẪU

Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 54 và Thông báo 27

(kèm theo Công văn số 4304-CV/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Triển khai thực hiện Chỉ thị 54 và Thông báo 27

1. Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị 54 và Thông báo 27 từ năm 2005 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)

TT	Cơ quan ban hành	Tên đầy đủ văn bản	Ngày có hiệu lực
1	Hội đồng nhân dân tỉnh		
2	Ủy ban nhân dân tỉnh		
3	Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh		
4	Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy		
5	HĐND cấp huyện, thị, thành phố		
6	UBND cấp huyện, thị, thành phố		
7	Sở Y tế		
8	Các ban, ngành, đoàn thể xã hội liên quan khác		

2. Hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 54 và Thông báo 27 (đánh dấu x hoặc điền thông tin vào ô trống tương ứng)

Các cơ quan	Kiểm tra, giám sát		Sơ kết, tổng kết			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ hình thức		
				5 năm	10 năm	Khác (ghi rõ)
Hội đồng nhân dân tỉnh						
Ủy ban nhân dân tỉnh						
Các ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh						
Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy						
HĐND cấp huyện, thị, thành phố						
UBND cấp huyện, thị, thành phố						
Sở Y tế						

II. Một số kết quả thực hiện

1. Tình hình dịch HIV/AIDS (giai đoạn 2005 – 2020)

TT	Tình hình dịch HIV/AIDS	2005	2010	2015	2020
1	Số người nhiễm HIV				
	Nam (%)				
	Nữ (%)				
	Phụ nữ mang thai (%)				
	Trẻ em dưới 6 tuổi (%)				
2	Số bệnh nhân AIDS				
3	Số bệnh nhân tử vong do AIDS				
4	Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm:				
	Nhóm nghiện chích ma túy				
	Nhóm quan hệ tình dục đồng giới				
	Nhóm phụ nữ bán dâm				
5	Đường lây truyền (tỷ lệ %)				
	Quan hệ tình dục không an toàn				
	Đường máu				
	Từ mẹ sang con				
	Không có thông tin				
6	Công tác điều trị:				
	Tỷ lệ % phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc ARV để làm giảm lây truyền HIV từ mẹ sang con				
	Tỷ lệ % trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được xét nghiệm sớm vi rút học trong vòng 2 tháng sau sinh				
	Tỷ lệ % người nhiễm HIV được chăm sóc và hỗ trợ điều trị tại cộng đồng				

2. Công tác truyền thông và huy động cộng đồng

TT	Nội dung	2005	2010	2015	2020
I	Số lượt truyền thông được triển khai				
1	Trên nhóm nguy cơ cao lây nhiễm HIV/AIDS (tiêm chích ma túy, mại dâm, tình dục đồng giới,...)				
2	Nhóm thanh, thiếu niên				
II	Việc tiếp cận và tài liệu truyền thông				

1	Số người tiếp cận truyền thông đại chúng về HIV/AIDS				
2	Số người được truyền thông trực tiếp về HIV/AIDS				
3	Số tài liệu truyền thông về HIV/AIDS các loại (Tờ gấp, sách mỏng, áp phích,...)				
4	Số tài liệu truyền thông về HIV/AIDS các loại được cấp phát cho đối tượng (Tờ gấp, sách mỏng, áp phích,...)				
III	Tình hình tham gia vào các câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng của người nhiễm HIV, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức dựa vào cộng đồng				
1	Số câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng của người nhiễm HIV, tổ chức dựa vào cộng đồng tham gia phòng, chống HIV/AIDS				
2	Tổng số người tham gia trong các nhóm trên				
3	Tỷ lệ người nhiễm HIV tham gia các câu lạc bộ, nhóm đồng đẳng/tổng số người nhiễm HIV quản lý được				

3. Bộ máy tổ chức làm công tác phòng, chống HIV/AIDS

TT	Bộ máy tổ chức	2005	2010	2015	2020
1	Đơn vị quản lý nhà nước về phòng, chống HIV/AIDS (ghi rõ tên đơn vị)				
	Cấp tỉnh				
	Cấp huyện, thị, thành phố				
	Cấp xã, phường, thị trấn				
2	Số nhân lực làm công tác phòng, chống HIV/AIDS				
	Tuyển tỉnh				
	Tuyển huyện, thị, thành phố				
	Tuyển xã, phường, thị trấn				

4. Kinh phí cho công tác phòng, chống HIV/AIDS

TT	Nội dung	2005	2010	2015	2020
I	Kinh phí cho công tác phòng, chống HIV/AIDS				
1	Cấp Trung ương				
	Ngân sách nhà nước				
	Nguồn viện trợ				
	Nguồn xã hội hoá				
2	Cấp tỉnh				
	Ngân sách nhà nước				
	Ngân sách địa phương				
	Nguồn viện trợ				
	Nguồn xã hội hoá				
II	Bảo hiểm y tế				
	Tỷ lệ % người nhiễm HIV/AIDS có thẻ BHYT/tổng số người nhiễm				
	Tỷ lệ % cơ sở điều trị ARV ký hợp đồng với cơ quan BHYT/tổng số cơ sở điều trị ARV				